TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phú

Ông Hoàng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:181/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn:Chị Trương Thị Hữu T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Thường trú: Tổ dân phố S, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị T tại Việt Nam: Tổ dân phố S, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang**.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị T được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống tại tổ dân phố S, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách cũng như quan điểm sống. Vợ chồng anh đã được hai bên gia đình tiến hành hòa giải nhưng không đạt kết quả, vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 7 năm 2015 đến nay, khi vợ chồng sống ly thân chị T vẫn đang mang thai đến khi chị T sinh con thì anh đi làm ăn không có nhà, gia đình anh có đến thăm chị T và con của anh. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trương Thị Hữu T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 26/7/2015, hiện cháu B đang sống cùng với bà Đỗ Thị Th là mẹ chị T. Nay vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng để chị T tiếp tục nuôi cháu B và đề nghị Tòa án tạm giao cháu B cho bà Đỗ Thị Th nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước. Lý do anh không nhận nuôi cháu B là vì cháu B từ nhỏ đã sống cùng với chị T và bà Th, việc thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu B; Cháu B có nguyện vọng được sống cùng với chị T nên anh tôn trọng nguyện vọng của cháu. Bên cạnh đó, do anh làm nghề tự do nên tính chất công việc anh phải thường xuyên đi lại, không cố định thời gian nên không đảm bảo việc đưa đón cháu B đi học và chăm sóc cháu khi ở nhà. Để đảm bảo cho cháu B được phát triển tốt nhất, không bị xáo trộn về cuộc sống. Nên anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T và bà Th nuôi dưỡng để các cháu có điều kiện phát triển hơn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trương Thị Hữu T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Th trình bầy: Anh T và chị T kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, anh T, chị T về chung sống cùng với bà, quá trình chung sống anh, chị có mâu thuẫn gì không thì bà không nắm được, anh T, chị T đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2015 cho đến nay. Anh T và chị T có 01 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 26/7/2015, hiện cháu B đang sống cùng với bà.

Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị T biết nhưng chị T không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và từ chối cung cấp địa chỉ hiện tại của chị T tại nước ngoài. Chị T có trao đổi với bà, chị T có nguyện vọng nuôi cháu Hoàng Gia B và đề nghị

tạm giao cháu B cho bà nuôi dưỡng trong thời gian chị T ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh T sẽ tự thỏa thuận.

Cháu Hoàng Gia B trình bầy: Bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ và đồng ý sống chung với bà ngoại là Đỗ Thị Th trong thời gian mẹ cháu ở nước ngoài.

Tại phiên tòa, anh Hoàng Văn T, bà Đỗ Thị Th vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Trương Thị Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Hoàng Văn T, biên bản lấy lời khai bà Đỗ Thị Th, cháu Hoàng Gia B và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn anh Hoàng Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Trương Thị Hữu T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Trương Thị Hữu T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 26/7/2015 cho chị Trương Thị Hữu T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cho bà Đỗ Thị Th nuôi dưỡng trong thời gian chị T ở nước ngoài.

Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Hoàng Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Trương Thị Hữu T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Chị T hiện đang ở nước ngoài anh không có địa chỉ cụ thể của chị T. Theo Công văn số: 20609/QLXNC-P5 ngày 09/8/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an cung cấp, chị T xuất nhập cảnh 31 lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 02/7/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vụ án có bị đơn chị T hiện nay đang ở nước ngoài. Địa chỉ cuối cùng của chị T ở Việt Nam tại: tổ dân phố S, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về việc vắng mặt của đương sự:

Về việc vắng mặt nguyên đơn anh Hoàng Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Th: Anh T, bà Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T và bà Đỗ Thị Th.

Về việc vắng mặt bị đơn chị Trương Thị Hữu T: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bà Th (là mẹ chị T), Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của chị T trước khi xuất cảnh ở tổ dân phố S, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị T thông qua người thân của chị T là bà Đỗ Thị Th (mẹ đẻ chị T) và đề nghị bà Th thông báo cho chị T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn là anh Hoàng Văn T và bị đơn là chị Trương Thị Hữu T. Bà Th cho biết chị T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị T tại nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Trương Thị Hữu T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật B vệ. Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị T phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Trương Thị Hữu T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Văn T đối với chị Trương Thị Hữu T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh T, chị T chung sống với

nhau không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã không thể hàn gắn được, gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải nhưng không đạt kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2015 cho đến nay, anh T và chị T không còn quan tâm, không còn liên lạc với nhau nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh T, chị T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T, xử cho anh T được ly hôn chị T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về nuôi con chung: Anh T và chị T có 01 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 26/7/2015. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng nhưng tạm giao cháu B cho bà Đỗ Thị Th là mẹ đẻ chị T nuôi dưỡng trong thời gian chị T ở nước ngoài. Bà Th đồng ý nuôi dưỡng cháu B trong thời gian chị T ở nước ngoài. Cháu B có nguyện vọng được ở cùng mẹ và bà Th.

Xét yêu cầu giao con chung của anh T: Hội đồng xét xử thấy hiện cháu B đang sống cùng với bà Đỗ Thị Th, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Anh T trình bầy anh không nuôi dưỡng cháu B vì anh làm nghề tự do, không có thời gian ổn định để chăm sóc cho cháu B, anh tôn trọng nguyện vọng của cháu B. Do đó, Hội đồng xét xử thấy để anh T trực tiếp nuôi con chung sẽ không đảm B điều kiện tốt nhất cho cháu B. Mặt khác, chị T mặc dù không có lời khai nhưng thông qua liên lạc của bà Th (mẹ chị T) thì chị T đồng ý nuôi dưỡng cháu B nhưng tạm giao cháu B cho bà Th nuôi dưỡng trong thời gian chị ở nước ngoài. Bà Th đồng ý nuôi cháu B trong thời gian chị T ở nước ngoài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T. Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 26/7/2015 cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Nhưng giao cháu B cho bà Đỗ Thị Th nuôi dưỡng trong thời gian chị T ở nước ngoài là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung và nguyện vọng của cháu B.

Sau khi ly hôn anh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5].Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7].Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Anh Hoàng Văn T, bà Đỗ Thị Th đang ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Trương Thị Hữu T đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Trương Thị Hữu T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 26/7/2015 cho chị Trương Thị Hữu T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cháu Hoàng Gia B cho bà Đỗ Thị Th nuôi dưỡng trong thời gian chị T ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000151 ngày 01/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Hoàng Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Hoàng Văn T và bà Đỗ Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Trương Thị Hữu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền